

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



TIỂU LUẬN CUỐI KỲ
HỌC PHẦN AN SINH XÃ HỘI

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP
HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI
CHO NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM

Sinh viên thực hiện: Trần Thị Lại
Mã số sinh viên: 235776010110026
Khóa: 64B - Ngành: Công tác xã hội
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Phùng Văn Nam

NGHỆ AN, 2025

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	1
LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI.....	2
NỘI DUNG CHÍNH.....	3
1. Các khái niệm liên quan.....	3
1.1. Khái niệm người cao tuổi.....	3
1.2. Khái niệm an sinh xã hội.....	3
1.3. Khái niệm chính sách an sinh xã hội.....	4
1.4. Các lý thuyết về nhu cầu và phát triển tâm lý của người cao tuổi.....	4
1.4.1. Tháp nhu cầu của Maslow.....	4
1.4.2. Thuyết phát triển tâm lý xã hội của Erik Erikson.....	5
1.5. Khung pháp lý về an sinh xã hội cho người cao tuổi ở Việt Nam.....	6
2. Thực trạng chính sách an sinh xã hội cho người cao tuổi ở Việt Nam.....	6
2.1. Tình hình già hóa dân số và đời sống người cao tuổi ở Việt Nam.....	8
2.1.1. Tình hình già hóa dân số ở Việt Nam.....	8
2.1.2. Đời sống người cao tuổi ở Việt Nam.....	9
2.2. Các chính sách an sinh xã hội cho người cao tuổi.....	11
2.2.1. Chính sách bảo hiểm xã hội.....	11
2.2.2. Chính sách về bảo hiểm y tế.....	12
2.2.3. Trợ cấp xã hội.....	15
2.2.4. Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản.....	16
3. Giải pháp hoàn thiện chính sách an sinh xã hội cho người cao tuổi ở Việt Nam.....	17
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	23
1. Kết luận.....	23
2. Khuyến nghị.....	23
2.1. Đối với nhân viên Công Tác Xã Hội.....	23
2.2. Đối với Nhà nước.....	24

2.3. Đối với lãnh đạo địa phương.....	24
2.4. Đối với gia đình.....	25
2.5. Đối với chính người cao tuổi.....	25
TÀI LIỆU THAM KHẢO	26

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Trường Đại học Vinh đã đưa học phần An sinh xã hội vào chương trình giảng dạy. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến giảng viên bộ môn – **ThS. Phùng Văn Nam** đã tận tình giảng dạy, hướng dẫn và truyền đạt những kiến thức lý thuyết sâu rộng cùng kỹ năng chuyên môn quý giá về an sinh xã hội cho em trong suốt thời gian học tập vừa qua, và đặc biệt là đã hướng dẫn em hoàn thành bài tiểu luận kết thúc học phần này.

Trong quá trình học tập học phần An sinh xã hội dưới sự dẫn dắt của thầy, em đã có thêm cho mình nhiều kiến thức bổ ích và thực tiễn về các chính sách, hệ thống và cơ chế hoạt động của an sinh xã hội. Những kiến thức này không chỉ giúp em hiểu sâu hơn về tầm quan trọng của an sinh xã hội trong đời sống cộng đồng, mà còn trang bị cho em nền tảng vững chắc để nhận diện, phân tích và đề xuất các giải pháp cho những vấn đề xã hội phức tạp trong tương lai. Đây chắc chắn sẽ là hành trang vô cùng quý báu để em tự tin vững bước trên con đường sự nghiệp và đóng góp vào việc xây dựng một xã hội công bằng, nhân ái hơn.

Do vốn kiến thức và kinh nghiệm thực tế còn nhiều hạn chế, bài tiểu luận khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến quý báu từ các thầy cô giáo để bài tiểu luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Nghệ An, ngày 22 tháng 05 năm 2025

Sinh viên

Trần Thị Lại

LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Già hóa dân số đang là một xu thế mang tính toàn cầu do giảm tỷ lệ sinh, tăng tuổi thọ bình quân và trở thành một vấn đề xã hội có tác động rất lớn đến tiến trình phát triển chung của tất cả các nước. Việt Nam được đánh giá là một trong những nước có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất trên thế giới. Do đó Đảng và Nhà nước ta cũng luôn xác định việc chăm sóc, hỗ trợ nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người cao tuổi vừa là đạo lý, vừa là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội.

Người cao tuổi là một trong những nhóm đối tượng yếu thế cần được sự trợ giúp xã hội. Khi tuổi cao, sức chống đỡ và sự chịu đựng của con người trước các yếu tố và tác nhân bên ngoài cũng như bên trong kém đi rất nhiều, đó chính là điều kiện thuận lợi để bệnh tật phát sinh, phát triển. Ngoài ra, ở người cao tuổi thường xuyên gặp rất nhiều vấn đề về tâm lý và đối mặt với các rủi ro khác như giảm hoặc mất khả năng lao động, thiếu thốn về mặt tài chính, hoặc sự cô đơn trong cuộc sống. Vì vậy, trong bối cảnh già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng trên phạm vi toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng, việc nghiên cứu về các chính sách, chương trình an sinh xã hội nhằm hỗ trợ người cao tuổi trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Một hệ thống an sinh xã hội hiệu quả không chỉ giúp người cao tuổi có cuộc sống ổn định, khỏe mạnh mà còn tạo động lực cho sự phát triển bền vững của quốc gia.

Chính vì tính thực tiễn và cấp bách của vấn đề này, tôi lựa chọn đề tài "*An sinh xã hội cho người cao tuổi ở Việt Nam*" nhằm đi sâu phân tích, đánh giá thực trạng và đưa ra những khuyến nghị thiết thực, góp phần cải thiện chính sách và nâng cao chất lượng an sinh cho người cao tuổi trong giai đoạn hiện nay.

NỘI DUNG CHÍNH

1. Các khái niệm liên quan

1.1. Khái niệm người cao tuổi

Người cao tuổi là những người đã đạt đến một độ tuổi nhất định trong quá trình lão hóa, thường được xác định theo mốc tuổi cụ thể tùy theo từng quốc gia và tổ chức.

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), người cao tuổi thường được tính từ 60 tuổi trở lên.

Ở Việt Nam, theo luật người cao tuổi năm 23/ 11/ 2009, người cao tuổi là công dân từ đủ 60 tuổi trở lên¹.

Theo quan điểm của Công tác xã hội: với đặc thù là 1 nghề trợ giúp công tác xã hội, công tác xã hội nhìn nhận về người cao tuổi như sau: Người cao tuổi với những thay đổi về tâm sinh lý, lao động - thu nhập, quan hệ xã hội sẽ gặp nhiều khó khăn, vấn đề trong cuộc sống. Do đó, người cao tuổi là một đối tượng yếu thế, đối tượng cần sự trợ giúp của công tác xã hội

1.2. Khái niệm an sinh xã hội

- Theo tổ chức lao động quốc tế (ILO) , an sinh xã hội là một sự bảo vệ mà xã hội cung cấp cho các thành viên của mình thông qua một số biện pháp được áp dụng rộng rãi để đương đầu với những khó khăn, các cú sốc về kinh tế và xã hội, làm mất hoặc suy giảm nghiêm trọng nguồn thu nhập do ốm đau, thai sản, thương tật, mất sức lao động hoặc tử vong.²

- Theo Việt Nam, An sinh xã hội có cấu trúc thành 3 hợp phần cơ bản là hệ thống chính sách và các chương trình về thị trường lao động, hệ thống chính sách bảo hiểm xã hội, hệ thống chính sách và các chương trình trợ giúp xã hội.³ An sinh xã hội chính là “an ninh xã hội” và các hệ thống chính sách dựa trên

¹ Quốc hội.2009. “Luật người cao tuổi”. *Cổng thông tin điện tử Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*

² Tài liệu hội thảo an sinh xã hội 2005 – Bộ lao động – Thương binh Xã hội

³ Tài liệu hội thảo an sinh xã hội 2005 – Bộ lao động – Thương binh Xã hội

nguyên tắc: Phòng ngừa rủi ro, giảm thiểu rủi ro, trợ giúp người gặp rủi ro và bảo vệ người gặp rủi ro.

Tóm lại, An sinh xã hội là một hệ thống các cơ chế, chính sách, các giải pháp của Nhà nước và cộng đồng nhằm trợ giúp mọi thành viên trong xã hội đối phó với các rủi ro, các cú sốc về kinh tế-xã hội làm cho họ suy giảm hoặc mất nguồn thu nhập do bị ốm đau, thai sản, tai nạn, bệnh nghề nghiệp, già cả không còn sức lao động hoặc vì các nguyên nhân khách quan khác rơi vào cảnh nghèo khổ, bần cùng hóa và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng, thông qua các hệ thống chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ giúp xã hội, và ưu đãi xã hội.⁴

1.3. Khái niệm chính sách an sinh xã hội

Theo cơ quan lý luận chính trị của ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam, chính sách bảo đảm an sinh xã hội là hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước (bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội...) và sự hỗ trợ của tổ chức hay tư nhân (các chế độ không theo luật định) nhằm giảm mức độ nghèo đói và tổn thương, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và cộng đồng trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội.

1.4. Các lý thuyết về nhu cầu và phát triển tâm lý của người cao tuổi

1.4.1. Tháp nhu cầu của Maslow

Theo Tháp nhu cầu của Abraham Maslow, các nhu cầu của con người được phân loại thành năm cấp bậc từ thấp đến cao: sinh lý, an toàn, xã hội, được kính trọng và tự thể hiện. Đối với người cao tuổi, các chính sách an sinh xã hội đóng vai trò thiết yếu trong việc đáp ứng từng tầng nhu cầu này. Nhu cầu sinh lý được đảm bảo thông qua lương hưu, trợ cấp xã hội giúp người cao tuổi có đủ điều kiện vật chất thiết yếu. Nhu cầu an toàn được đáp ứng bởi bảo hiểm y tế, giúp giảm gánh nặng chi phí bệnh tật và mang lại sự an tâm về tài chính. Nhu cầu xã hội được thỏa mãn khi người cao tuổi được khuyến khích tham gia các hoạt

⁴ Giáo trình Nhập môn an sinh xã hội – Trường đại học lao động – Xã hội

động cộng đồng, câu lạc bộ, hội nhóm, giúp họ duy trì các mối quan hệ và giảm cảm giác cô đơn. Nhu cầu được kính trọng thể hiện qua các chính sách tôn vinh người có công, các hoạt động chúc thọ, mừng thọ, và việc tạo điều kiện để người cao tuổi tiếp tục cống hiến kinh nghiệm, duy trì sự tự tin và cảm giác có ích. Cuối cùng, nhu cầu tự thể hiện được hỗ trợ thông qua các chương trình giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, và việc tạo cơ hội để người cao tuổi truyền đạt trí tuệ, kinh nghiệm cho thế hệ sau, giúp họ đạt được sự tự hoàn thiện và tìm thấy ý nghĩa cuộc sống. Việc đáp ứng đa dạng các tầng nhu cầu này, từ cơ bản đến nâng cao, là yếu tố then chốt để đảm bảo người cao tuổi không chỉ sống thọ mà còn sống khỏe mạnh, hạnh phúc và có phẩm giá.

1.4.2. Thuyết phát triển tâm lý xã hội của Erik Erikson

Thuyết phát triển tâm lý xã hội của Erik Erikson là một trong những lý thuyết nền tảng trong tâm lý học phát triển, mô tả quá trình phát triển của con người qua tám giai đoạn khác nhau trong suốt cuộc đời tập trung vào giai đoạn cuối cùng của cuộc đời. Theo thuyết phát triển tâm lý xã hội của Erik Erikson, người cao tuổi thuộc giai đoạn "Trọn vẹn và tuyệt vọng", diễn ra ở tuổi già (từ khoảng 65 tuổi trở lên). Ở giai đoạn này, người cao tuổi nhìn lại cuộc đời mình. Nếu họ cảm thấy hài lòng với những gì đã sống, họ sẽ đạt được cảm giác "trọn vẹn" – sự bình yên và chấp nhận cuộc đời. Ngược lại, nếu họ nhìn lại với những hối tiếc sâu sắc, cảm giác bất mãn, thất bại hoặc cô đơn, họ sẽ rơi vào trạng thái "tuyệt vọng". An sinh xã hội có tầm quan trọng đặc biệt trong việc hỗ trợ người cao tuổi đạt được sự trọn vẹn và giảm thiểu nguy cơ tuyệt vọng. Cụ thể, các chính sách chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ tài chính giúp duy trì sự độc lập và giảm gánh nặng bệnh tật; các chương trình khuyến khích tham gia xã hội giúp chống lại sự cô đơn và cảm giác bị bỏ rơi; việc tạo điều kiện để người cao tuổi tiếp tục phát huy vai trò và giá trị bản thân giúp củng cố ý nghĩa cuộc sống; và các dịch vụ tư vấn tâm lý, hỗ trợ xã hội góp phần giúp họ đối phó với những mất mát, duy trì trạng thái tinh thần tích cực. Như vậy, các chính sách an sinh xã hội không chỉ đơn thuần là hỗ trợ vật chất mà còn là hệ thống toàn diện giúp người

cao tuổi đạt được sự bình yên, hạnh phúc và một cuộc đời có ý nghĩa trọn vẹn khi về già.

1.5. Khung pháp lý về an sinh xã hội cho người cao tuổi ở Việt Nam

Trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã rất quan tâm chăm sóc cho đời sống của người cao tuổi. Điều này đã được quy định và thể hiện rõ trong hiến pháp, văn bản luật, văn bản dưới luật, các chương trình và dịch vụ xã hội. Từ đó thấy được hệ thống an sinh xã hội cho người cao tuổi tại Việt Nam được xây dựng trên một nền tảng pháp lý vững chắc, mà cốt lõi là luật người cao tuổi số 39/2009/QH12. Được quốc hội thông qua vào ngày 23/11/2009 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2010. Luật này là văn bản pháp lý chuyên biệt và quan trọng nhất, quy định một cách toàn diện các vấn đề liên quan đến người cao tuổi ở Việt Nam trong đó có hệ thống chính sách an sinh xã hội cho người cao tuổi. Bên cạnh luật người cao tuổi, có hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992 và đặc biệt là hiến pháp 2013 khẳng định “Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác”. Điều 37 hiến pháp 2013 đã ghi rõ: “Người cao tuổi được nhà nước, gia đình và xã hội tôn trọng, chăm sóc và phát huy vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc”. Ngoài ra, nhằm triển khai hiệu quả chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021-2030, bộ tư pháp đang xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người cao tuổi thuộc diện được trợ giúp pháp lý giai đoạn 2022-2030.

Các văn bản trên tạo nên một khung pháp lý vững chắc, là cơ sở quan trọng để triển khai các chính sách an sinh xã hội hiệu quả, góp phần đảm bảo cuộc sống tốt đẹp hơn cho người cao tuổi và xây dựng một xã hội đề cao giá trị của người cao tuổi.

2. Thực trạng chính sách an sinh xã hội cho người cao tuổi ở Việt Nam

Chính phủ Việt Nam đã và đang triển khai nhiều chính sách hỗ trợ người cao tuổi, như lương hưu, trợ cấp xã hội, và các chương trình chăm sóc sức khỏe.

Trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, trong hơn 25 năm qua, công tác bảo đảm an sinh xã hội cho người cao tuổi ở nước ta đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Hệ thống an sinh xã hội cho người cao tuổi ngày càng đồng bộ và hoàn thiện với diện bao phủ không ngừng được mở rộng. Đời sống vật chất và tinh thần của người cao tuổi không ngừng được cải thiện. An sinh xã hội đã trở thành chỗ dựa vững chắc cho người cao tuổi.

Theo báo cáo của tổng cục thống kê năm 2022, cả nước có 11,41 triệu người cao tuổi, chiếm khoảng 12% dân số; trong đó có 1.918.987 người từ 80 tuổi trở lên (chiếm 17% tổng số người cao tuổi); có 7.294.100 người cao tuổi sống ở khu vực nông thôn (chiếm 41,9%); tỷ lệ người cao tuổi thuộc hộ nghèo cao hơn bình quân chung của cả nước; người cao tuổi là dân tộc thiểu số chiếm gần 10%. Khoảng 3,1 triệu người cao tuổi hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, chiếm 27,1% tổng số người cao tuổi (trong đó người cao tuổi hưởng lương hưu là 1,8 triệu người, chiếm 15,8% tổng số người cao tuổi). Gần 1,7 triệu người cao tuổi được nhận trợ cấp xã hội hàng tháng (chiếm 14,8% tổng số người cao tuổi), 1,4 triệu người cao tuổi hưởng chính sách người có công (chiếm 12,3%).⁵ Nhưng tính đến năm 2024 Việt Nam hiện có hơn 2,47 triệu người cao tuổi tham gia bảo hiểm xã hội (có 2,2 triệu người cao tuổi đã tham gia bảo hiểm xã hội và đang hưởng lương hưu hằng tháng với mức lương hưu bình quân gần 6 triệu đồng/tháng), điều này cho thấy an sinh xã hội cho người cao tuổi ở Việt Nam ngày càng được hoàn thiện và phát triển.

Tuy nhiên, việc thực thi các chính sách này còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là ở các vùng nông thôn và vùng sâu, vùng xa. Theo phân tích của ILO (Tổ chức lao động quốc tế) năm 2022 cho thấy Việt Nam nằm trong nhóm quốc gia có tỷ lệ bao phủ lương hưu tương đối thấp, khoảng 40%. Điều đó cho thấy nhiều người vẫn chưa được hưởng đầy đủ các chính sách bảo vệ, nhiều người còn gặp khó khăn trong cuộc sống. Số lượng người cao tuổi không được hưởng lương hưu, trợ cấp xã hội chiếm một phần lớn. Vì vậy, cùng với trước xu thế già hoá

⁵ Theo thống kê của Tổng cục Thống kê năm 2022

dân số và đời sống xã hội ngày càng phát triển thì hệ thống chính sách an sinh xã hội cho người cao tuổi cần được hoàn thiện để đảm bảo an sinh xã hội cho người cao tuổi.

2.1. Tình hình già hóa dân số và đời sống người cao tuổi ở Việt Nam

2.1.1. Tình hình già hóa dân số ở Việt Nam

Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất ở châu Á và đã chính thức bước vào thời kỳ già hóa từ năm 2011, số người già trên 60 tuổi ở nước ta hiện chiếm trên 11%; kết quả từ sự sụt giảm của tỷ lệ sinh, tỷ lệ chết và tuổi thọ ngày càng tăng lên. Tính đến năm năm 2024 người già trên 60 tuổi chiếm 14,2 triệu người tổng dân số tăng 2,8 triệu người so với năm 2019 và tăng 4,7 triệu người so với năm 2014. Dự báo đến năm 2030, số người từ 60 tuổi trở lên sẽ xấp xỉ 18 triệu người, tăng gần 4 triệu người so với năm 2024 và sẽ tiếp tục gia tăng trong những thập kỷ tiếp theo⁶. Cụ thể, qua bảng thống kê tỷ trọng người cao tuổi Việt Nam của tổng cục thống kê, niên giám thống kê các năm, điều tra dân số và nhà ở, báo cáo của ủy ban quốc gia:

Năm	Tổng dân số (triệu người)	Số lượng NCT 60+ (triệu người)	Tỷ trọng NCT 60+ trong tổng dân số (%)
1979	53,74	3,71	6,90
1989	64,38	4,64	7,20
1999	76,33	6,19	8,10
2009	85,79	7,72	9,00
2011	87,80	8,70	9,90
2016	92,7	10,14	10,94
2017	93,69	10,26	10,95

(Tổng cục thống kê, niên giám thống kê các năm, điều tra dân số và nhà ở, báo cáo của ủy ban quốc gia người cao tuổi các năm)

Qua bảng thống kê cho thấy, dân số người cao tuổi tại Việt Nam đang gia tăng nhanh chóng, sự gia tăng này không chỉ làm thay đổi cấu trúc dân số mà còn tạo ra những thách thức lớn cho hệ thống chính sách đảm bảo an sinh xã hội.

⁶ Theo thống kê của Tổng cục Thống kê năm 2024

2.1.2. Đời sống người cao tuổi ở Việt Nam

- Đời sống kinh tế của người cao tuổi

"Đời sống kinh tế là nền tảng vững chắc cho sự an toàn và phẩm giá của người cao tuổi, trực tiếp đáp ứng nhu cầu sinh lý và nhu cầu an toàn trong tháp nhu cầu của Maslow. Tuy nhiên, tại Việt Nam, thực trạng này còn tồn tại nhiều thách thức. Về nguồn thu nhập, phần lớn người cao tuổi vẫn đang phụ thuộc vào các nguồn không bền vững. Theo số liệu của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và tổng cục thống kê, tỷ lệ người cao tuổi được hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội còn tương đối thấp, chỉ khoảng 30-35% tổng số người cao tuổi (tham khảo số liệu gần đây nhất khoảng 2020-2022). Tỷ lệ này đặc biệt thấp ở khu vực nông thôn và trong nhóm lao động phi chính thức. Điều này buộc một bộ phận đáng kể người cao tuổi phải tiếp tục lao động để tự tạo thu nhập, dù sức khỏe đã suy giảm và khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động hạn chế. Thực tế cho thấy, có tới hơn 60% người cao tuổi ở nông thôn vẫn tham gia lao động (UNFPA, 2017). Bên cạnh đó, tỷ lệ phụ thuộc vào con cháu vẫn chiếm ưu thế, phản ánh nét văn hóa truyền thống nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro khi gánh nặng kinh tế gia đình ngày càng lớn trong bối cảnh thay đổi cấu trúc gia đình và di cư lao động. Mặc dù có các chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng dành cho người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu hoặc người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, song mức hỗ trợ còn khiêm tốn khoảng 500.000 VNĐ/ tháng⁷ và chưa đủ để đảm bảo cuộc sống cơ bản, khó lòng đáp ứng trọn vẹn nhu cầu sinh lý trong bối cảnh chi phí sinh hoạt ngày càng tăng, điều này cho thấy nhiều người cao tuổi vẫn đang gặp khó khăn trong việc đáp ứng nhu cầu sinh lý và an toàn cơ bản theo Tháp nhu cầu của Maslow.

- Đời sống sức khỏe của người cao tuổi

Tại Việt Nam, gánh nặng bệnh tật ở nhóm dân số này ngày càng gia tăng. Về tỷ lệ mắc bệnh mạn tính, người cao tuổi thường phải đối mặt với đa bệnh lý cùng lúc. Một báo cáo của tổng cục thống kê và UNFPA năm 2019 cho thấy,

⁷ Theo Nghị định 76/2024/NĐ-CP, mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 1/7/2024

khoảng 95% người cao tuổi Việt Nam mắc ít nhất một bệnh mạn tính, và 70% mắc ít nhất ba bệnh mạn tính. Các bệnh phổ biến nhất bao gồm tim mạch (cao huyết áp, bệnh mạch vành), tiểu đường, xương khớp, hô hấp mãn tính, và các bệnh về thần kinh như Alzheimer, Parkinson. Điều này không chỉ ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cuộc sống mà còn phát sinh chi phí y tế khổng lồ.

Về khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, dù chính sách bảo hiểm y tế đã được mở rộng đáng kể, với tỷ lệ người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế đạt trên 90% (theo bộ y tế), nhưng khả năng tiếp cận các dịch vụ khám chữa bệnh chất lượng cao vẫn còn nhiều hạn chế. Hệ thống y tế chưa thực sự chuyên sâu về lão khoa, đội ngũ y bác sĩ còn thiếu và chưa đồng đều về năng lực. Sự khó khăn trong tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng làm suy giảm cảm giác an toàn về sức khỏe của người cao tuổi, và khi bệnh tật kéo dài, nó có thể dẫn đến cảm giác bất lực, tuyệt vọng, cản trở quá trình đạt được sự trọn vẹn trong cuộc đời.

- Đòi sống tinh thần và xã hội của người cao tuổi

Về mức độ tham gia các hoạt động xã hội, tỷ lệ người cao tuổi tham gia vào các câu lạc bộ, hội người cao tuổi, hoặc các hoạt động văn hóa, thể thao cộng đồng có xu hướng tăng lên, đặc biệt ở khu vực đô thị và những nơi có phong trào mạnh. Khoảng 50-60% người cao tuổi có tham gia một số hoạt động xã hội (UNFPA, 2019). Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận lớn, đặc biệt ở nông thôn hay những người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt (neo đơn, bệnh tật), thiếu cơ hội tiếp cận và tham gia các hoạt động này. Tỷ lệ người cao tuổi sống cô đơn, ít tham gia hoạt động xã hội cho thấy nhu cầu xã hội và nhu cầu được kính trọng của họ (theo Maslow) chưa được đáp ứng đầy đủ, đẩy họ vào nguy cơ trải nghiệm cảm giác tuyệt vọng theo Erikson khi nhìn lại cuộc đời mà không có sự kết nối và ý nghĩa.

Theo lý thuyết phát triển tâm lý xã hội, vào giai đoạn này, người cao tuổi dễ bị tủi thân, thường cảm thấy cô đơn và trầm cảm. Việc mất đi bạn đời, con cái đi làm xa (đặc biệt ở các vùng nông thôn có nhiều lao động di cư), ít cơ hội giao tiếp xã hội, cùng với sự suy giảm sức khỏe và khả năng tự phục vụ, dễ dẫn đến

cảm giác cô lập, mất ý nghĩa cuộc sống. Các khảo sát về sức khỏe tinh thần cho thấy một tỷ lệ không nhỏ người cao tuổi có biểu hiện của trầm cảm, lo âu. Ước tính có khoảng 10-15% người cao tuổi Việt Nam mắc các vấn đề sức khỏe tâm thần, trong đó phổ biến nhất là trầm cảm và lo âu⁸. Sự thiếu vắng các hoạt động cộng đồng có thể làm giảm cơ hội để người cao tuổi duy trì vai trò xã hội, chia sẻ kinh nghiệm, từ đó khó đạt được cảm giác trọn vẹn trong giai đoạn cuối đời. Việc không thể tìm thấy ý nghĩa cuộc đời hay kết nối xã hội là những yếu tố chính dẫn đến trạng thái tuyệt vọng (Despair) trong lý thuyết của Erikson, khẳng định sự cấp thiết của các can thiệp hỗ trợ tâm lý và xã hội.

2.2. Các chính sách an sinh xã hội cho người cao tuổi

2.2.1. Chính sách bảo hiểm xã hội

Chính sách bảo hiểm xã hội là trụ cột quan trọng nhất trong việc đảm bảo thu nhập ổn định cho người cao tuổi, bao gồm cả bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện. Theo luật bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực từ 1/7/2025 quy định mức trợ cấp cho từng nhóm đối tượng được tính theo hệ số, căn cứ vào mức chuẩn trợ giúp xã hội là 500.000 đồng/tháng⁹ và người không có lương hưu sẽ được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội. Ngoài ra, luật bảo hiểm xã hội 2024 cũng quy định công dân Việt Nam từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và đáp ứng đủ 2 điều kiện (không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng; có văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội) được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.¹⁰

Theo bảo hiểm xã hội Việt Nam, tính đến năm 2024 Việt Nam hiện có hơn 2,47 triệu người cao tuổi tham gia bảo hiểm xã hội (có 2,2 triệu người cao tuổi đã tham gia bảo hiểm xã hội và đang hưởng lương hưu hàng tháng với mức lương hưu bình quân gần 6 triệu đồng/tháng).

Phân tích của ILO (Tổ chức Lao động Quốc tế) năm 2022 cho thấy Việt Nam nằm trong nhóm quốc gia có tỷ lệ bao phủ lương hưu tương đối thấp.

⁸ Báo cáo của ngành y tế hoặc các nghiên cứu chuyên sâu

⁹ Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, sửa đổi tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP

¹⁰ Điều 21, khoản 1 và khoản 2 của Luật BHXH 2024

Trong khi tỷ lệ bao phủ lương hưu trung bình toàn cầu đạt 77,5% thì tại Việt Nam chỉ đạt xấp xỉ 40%. Tại nhiều quốc gia châu Âu, châu Á tiên tiến như Hàn Quốc, Nhật Bản, tỷ lệ bao phủ lương hưu và trợ cấp cho người cao tuổi đạt từ 80 - 100%.

Các số liệu trên cho thấy, tỷ lệ bao phủ lương hưu của Việt Nam còn rất thấp. Điều đó dẫn đến thực trạng một bộ phận lớn người cao tuổi khi về già không có thu nhập ổn định từ chính sách, mà phải sống phụ thuộc vào gia đình. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và giảm gánh nặng cho người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số nhanh chóng, chính sách bảo hiểm xã hội cần tiếp tục được mở rộng về phạm vi và cải thiện về mức hưởng.

2.2.2. Chính sách về bảo hiểm y tế

- Được hỗ trợ về mức đóng bảo hiểm y tế

Theo Điều 8 Nghị định 146/2018/NĐ-CP, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với các đối tượng người cao tuổi như sau:

+ Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ gia đình cận nghèo đang sinh sống tại các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững và các huyện được áp dụng cơ chế, chính sách theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP;

+ Hỗ trợ tối thiểu 70% mức đóng bảo hiểm y tế đối với đối tượng quy định tại khoản 1 và 2 Điều 4 Nghị định này;

+ Hỗ trợ tối thiểu 30% mức đóng bảo hiểm y tế đối với đối tượng quy định tại khoản 3 và 4 Điều 4 Nghị định này.

- Người cao tuổi được ưu tiên khám bệnh, chữa bệnh:

+ Người từ đủ 80 tuổi trở lên được ưu tiên khám trước người bệnh khác trừ bệnh nhân cấp cứu, trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng;

+ Bố trí giường nằm phù hợp khi điều trị nội trú.

- Các bệnh viện, trừ bệnh viện chuyên khoa nhi, có trách nhiệm sau đây:

+ Tổ chức khoa lão khoa hoặc dành một số giường để điều trị người bệnh là người cao tuổi;

+ Phục hồi sức khỏe cho người bệnh là người cao tuổi sau các đợt điều trị cấp tính tại bệnh viện và hướng dẫn tiếp tục điều trị, chăm sóc tại gia đình;

+ Kết hợp các phương pháp điều trị y học cổ truyền với y học hiện đại, hướng dẫn các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc ở tuyến y tế cơ sở đối với người bệnh là người cao tuổi.

- Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân khám bệnh, chữa bệnh miễn phí cho người cao tuổi.¹¹

Với các điều luật trên, cùng sự nỗ lực của các cấp ủy, chính quyền địa phương, cho đến nay, tỷ lệ người cao tuổi tham gia bảo hiểm y tế ngày một tăng: “Riêng năm 2019 - 2020, cả nước có thêm khoảng 1,1 triệu người dân tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó, đa số là người cao tuổi, đặc biệt là người từ 50 tuổi trở lên”¹². Số lượng người cao tuổi được bảo hiểm xã hội Việt Nam cấp thẻ bảo hiểm y tế đã tăng từ 8,8 triệu người năm 2016 lên đến 12,1 triệu người năm 2020¹³. Theo số liệu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đến năm 2020, trong số gần 13 triệu người cao tuổi đã có 12,1 triệu người được cấp thẻ bảo hiểm y tế. Như vậy, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế với người cao tuổi ở nước ta là khá lớn, số lượng người cao tuổi chưa có thẻ bảo hiểm y tế chiếm tỷ lệ khá nhỏ là trên, dưới 5% tổng số người cao tuổi.

Cùng với mức độ bao phủ rộng là mức độ sử dụng bảo hiểm y tế trong khám, chữa bệnh của người cao tuổi liên tục tăng. Theo số liệu của bảo hiểm xã hội Việt Nam năm 2017, có 52,8 triệu lượt khám, chữa bệnh của người cao tuổi (chiếm tỷ lệ 31,4% số lượt khám chữa bệnh trên toàn quốc), chi phí 35.500 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 40,2% tổng chi toàn quốc). Năm 2018, ước tính có khoảng 57

¹¹ Điều 8 Nghị định 146/2018/NĐ-CP

¹² Đinh Nam: “Năm 2021: Tất cả người cao tuổi đều có BHYT”, <https://thuvienphapluat.vn/tintuc/vn/thoi-su-phap-luat/thoi-su/33723/nam-2021-tat-ca-nguoi-cao-tuoi-deu-co-bhyt>, truy cập ngày 11-5-2021

¹³ “Bảo hiểm y tế: Điểm tựa về sức khỏe cho người cao tuổi”, <https://tapchitaichinh.vn/bao-hiem/bao-hiem-y-te-diem-tua-ve-suc-khoe-cho-nguoi-cao-tuoi-306523.html>, truy cập ngày 26-5-2021

triệu lượt khám, chữa bệnh của người cao tuổi (chiếm tỷ lệ khoảng 34% số lượt khám, chữa bệnh trên toàn quốc)¹⁴.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, chính sách bảo hiểm y tế cho người cao tuổi còn có những hạn chế nhất định. *Một là*, có những người trong danh sách được cấp phát thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, nhưng trên thực tế, họ vẫn chưa nhận được thẻ, ảnh hưởng đến quyền lợi nếu chẳng may bị bệnh tật tại thời điểm đó. Theo báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, năm 2020 còn “khoảng hơn 500.000 người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo chưa có bảo hiểm y tế”. *Hai là*, còn một tỷ lệ khá lớn người cao tuổi không thuộc diện được cấp phát thẻ bảo hiểm y tế miễn phí đang sinh sống ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa vẫn gặp khó khăn trong mua thẻ bảo hiểm y tế tự nguyện, trong đó, chủ yếu là khó khăn về tài chính, bởi đây là những “đối tượng cận nghèo, mới thoát nghèo hoặc chưa đủ tuổi để được hỗ trợ 100% (80 tuổi)”. *Ba là*, người cao tuổi, đặc biệt là những người nghèo sinh sống ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, người sống đơn thân, không có điều kiện để có thể tận dụng các lợi ích của bảo hiểm y tế. Họ không thường xuyên đi khám sức khỏe định kỳ, chỉ sử dụng thẻ bảo hiểm y tế khi có triệu chứng của bệnh tật và lúc đó thường là bệnh nặng, làm gia tăng chi phí điều trị thuốc men và thời gian chữa bệnh.¹⁵

Như vậy, một trong những thành tựu to lớn của chính sách phát triển bảo hiểm y tế ở nước ta những năm qua là diện bao phủ đối với nhóm người cao tuổi ngày càng được mở rộng. Tuy nhiên, dù mức độ bao phủ ngày càng rộng, song không phải lúc nào cũng đồng nhất với hiệu quả của việc sử dụng thẻ bảo hiểm y tế. Hơn nữa, dù tần suất sử dụng thẻ bảo hiểm y tế trong khám, chữa bệnh ở người cao tuổi là cao hơn so với các nhóm tuổi khác, nhưng việc khám, chữa bệnh thông qua bảo hiểm y tế lại không đồng nhất giữa các nhóm người cao tuổi nếu phân theo giới tính, khu vực, địa bàn cư trú. “Bảo hiểm y tế... có mặt còn

¹⁴ Bảo hiểm xã hội Việt Nam: “Bảo hiểm y tế góp phần quan trọng chăm sóc sức khỏe người cao tuổi”, <https://baohiemxahoi.gov.vn/UserControls/Publishing/News/BinhLuan/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/content/tintuc/Lists/News&ItemID=12517&IsTA=False>, truy cập ngày 26-5-2021

¹⁵ Tạp chí Cộng sản đảng, *Bảo hiểm y tế cho người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay*, truy cập ngày 2/9/2021

hạn chế; thụ hưởng của người dân từ thành tựu phát triển của đất nước chưa hài hòa”.

2.2.3. Trợ cấp xã hội

Theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP, mức hưởng trợ cấp xã hội hiện tại là 360.000 VNĐ/tháng, một con số còn khá khiêm tốn so với mức sống tối thiểu. Vì vậy, Chính phủ đã ra khoản 2 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, sửa đổi tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP về mức hưởng trợ cấp, tăng từ 360.000 VNĐ/tháng lên 500.000 VNĐ/tháng.

Theo khoản 5 Điều 5 Nghị định 20/2021/NĐ-CP, người cao tuổi thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, bao gồm:

- + Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng;

- + Người từ đủ 80 tuổi trở lên mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng;

- + Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội nhưng có người nhận chăm sóc tại cộng đồng.

- + Người cao tuổi thuộc đối tượng bảo trợ xã hội được Nhà nước cấp thẻ bảo hiểm y tế; Được hỗ trợ mai táng phí khi chết.

Theo số liệu của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, hiện có khoảng 1,7 triệu người cao tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (số liệu năm 2022). Theo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và UNFPA (2016), cả nước hàng nghìn người cao tuổi được hỗ trợ xóa nhà tạm, sửa chữa nâng cấp nhà ở, tổ chức mừng thọ cho hơn 1 triệu người cao tuổi, thăm hỏi, động viên ốm đau cho hơn 900.000 người cao tuổi... Mặc dù đạt được những kết quả khá tích cực, toàn diện về chính sách đối với người cao tuổi, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế. Với mức chuẩn trợ cấp xã hội cho người cao tuổi hiện nay khoảng 360.000 đồng/tháng, chỉ bằng khoảng 17% thu nhập bình quân, 24% chuẩn nghèo nông

thôn giai đoạn 2021-2025, mới chỉ hỗ trợ được một phần nhu cầu thiết yếu của người dân. Tỷ lệ người cao tuổi thuộc hộ nghèo là 3,6%, cận nghèo là 11,6%, cao hơn bình quân chung cả nước. Ngoài ra, phạm vi người cao tuổi được hưởng chính sách hỗ trợ còn ít. Vì vậy, cần mở rộng phạm vi hưởng hỗ trợ đồng thời tăng mức hỗ trợ để đảm bảo an sinh xã hội cho những người cao tuổi.

2.2.4. Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản

- Hỗ trợ về văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch, sử dụng công trình công cộng và tham gia giao thông công cộng

Người cao tuổi khi tham quan các di tích lịch sử - văn hóa, bảo tàng, danh lam thắng cảnh; tập luyện thể dục, thể thao tại các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của bộ văn hóa, thể thao và du lịch thì được giảm giá dịch vụ (ít nhất là 20%)

Người cao tuổi khi tham gia giao thông được hỗ trợ theo quy định tại Thông tư số 71/2011/TT-BGTVT ngày 30/12/2011 của bộ giao thông vận tải về hỗ trợ người cao tuổi khi tham gia giao thông công cộng.

- Quà tặng mừng thọ

Căn cứ theo quy định tại Điều 21 luật người cao tuổi 2009 quy định về chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi như sau:

+ Người thọ 100 tuổi được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam chúc thọ và tặng quà.

+ Người thọ 90 tuổi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chúc thọ và tặng quà.

+ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phối hợp với Hội người cao tuổi tại địa phương, gia đình của người cao tuổi tổ chức mừng thọ người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 90, 95 và 100 tuổi trở lên vào một trong các ngày sau đây: Ngày người cao tuổi Việt Nam; Ngày quốc tế người cao tuổi; Tết nguyên đán; Sinh nhật của người cao tuổi.

- Kinh phí thực hiện quy định tại điều này do ngân sách nhà nước bảo đảm và nguồn đóng góp của xã hội.

Số liệu từ một báo cáo của tỉnh Hải Dương cho thấy, giai đoạn 2016-2018, bình quân mỗi năm có khoảng 30.596 người cao tuổi thuộc diện được tặng quà chúc thọ, mừng thọ theo quy định của luật người cao tuổi, chiếm khoảng 13,39% tổng dân số người cao tuổi toàn tỉnh. Mức quà cho các độ tuổi khác nhau cũng được quy định rõ ràng, ví dụ, người 80, 85 tuổi có mức chi 500.000 đồng/người; 95 tuổi là 800.000 đồng/người; từ 101-104 tuổi là 1.100.000 đồng/người; 105 tuổi là 1.600.000 đồng/người.

Các chính sách dịch vụ xã hội thể hiện sự quan tâm về mặt tinh thần và văn hóa, tuy đang trong quá trình phát triển nhưng vẫn còn những khoảng trống lớn cần được đầu tư mạnh mẽ hơn về cả chính sách, nguồn lực và chất lượng để thực sự đảm bảo an sinh toàn diện cho người cao tuổi Việt Nam.

3. Giải pháp hoàn thiện chính sách an sinh xã hội cho người cao tuổi ở Việt Nam

Trước bối cảnh già hóa dân số nhanh chóng, vấn đề chăm sóc và đảm bảo an sinh xã hội cho người cao tuổi trở thành một trong những thách thức lớn của quốc gia. Chính sách an sinh xã hội cho người cao tuổi không chỉ liên quan đến vấn đề về vật chất mà còn ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống, quyền lợi và sự cần thiết của họ trong xã hội hiện đại. Như đã phân tích trên, thực trạng các chính sách an sinh xã hội cho người cao tuổi vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế như tỷ lệ bao phủ thấp của các chính sách an sinh xã hội, mức hưởng khiêm tốn, gánh nặng bệnh tật và tình trạng cô đơn, phụ thuộc của người cao tuổi. Vì vậy, việc hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội là yêu cầu cấp thiết. Để giải quyết các vấn đề này, cần có một hệ thống giải pháp đồng bộ từ cấp độ vĩ mô đến vi mô, trong đó vai trò cụ thể của nhân viên công tác xã hội là không thể thiếu trong việc đưa chính sách vào cuộc sống và góp phần hoàn thiện chính sách từ những phản hồi thực tiễn.

- Hoàn thiện và mở rộng chính sách bảo hiểm xã hội

Mở rộng chính sách bảo hiểm xã hội đặc biệt là mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội tự nguyện thông qua việc thu hút các đối tượng ngoài khu vực chính

thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thông qua các chính sách hỗ trợ tài chính, đơn giản hóa thủ tục và linh hoạt hóa mức đóng, đồng thời cần nghiên cứu điều chỉnh mức lương hưu sao cho phù hợp với chi phí sinh hoạt thực tế và linh hoạt hơn trong các quy định về thời gian đóng để đảm bảo người cao tuổi có đủ điều kiện hưởng và thực thi hiệu quả Luật bảo hiểm xã hội 2024 về trợ cấp hưu trí xã hội cho nhóm đối tượng 70-75 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo.

Nhân viên Công tác xã hội cũng đóng vai quan trọng trong việc hoàn thiện và mở rộng chính sách bảo hiểm xã hội. Nhân viên Công tác xã hội có thể tư vấn chuyên sâu và hỗ trợ thủ tục cho các cá nhân và hộ gia đình về lợi ích, điều kiện và quy trình tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, đồng thời giúp nhóm người cao tuổi yếu thế hoàn tất hồ sơ để hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hoặc lương hưu, giảm thiểu rào cản hành chính.

- Nâng cao hiệu quả và tính linh hoạt của chính sách trợ giúp xã hội

Cần tập trung vào việc nâng chuẩn trợ cấp xã hội hàng tháng lên mức đủ đảm bảo nhu cầu sống cơ bản, tiệm cận với chuẩn nghèo đa chiều, thay vì mức 360.000 VNĐ/tháng hiện tại còn khiêm tốn. Đồng thời, cần rà soát và nói lỏng các tiêu chí tiếp cận trợ giúp xã hội để đảm bảo không bỏ sót các trường hợp người cao tuổi có hoàn cảnh thực sự khó khăn nhưng chưa thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo cứng nhắc. Ngoài ra, cần đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ ngoài tiền mặt, như hỗ trợ nhà ở, điện, nước, thực phẩm, hoặc dịch vụ chăm sóc tại nhà cho những người cao tuổi đặc biệt khó khăn.

Đối với nhân viên Công tác xã hội, có thể góp phần nâng cao hiệu quả và tính linh hoạt của chính sách trợ giúp xã hội bằng cách điều tra, khảo sát thực địa sâu rộng. Nhờ đó xác định chính xác các trường hợp người cao tuổi cần hỗ trợ nhưng chưa được hưởng chính sách theo quy định hiện hành. Từ đó, họ sẽ thu thập dữ liệu, bằng chứng cụ thể và kiến nghị lên các cơ quan chức năng về sự cần thiết phải nói lỏng các tiêu chí và tăng mức hỗ trợ, đảm bảo chính sách trợ giúp xã hội có tính bao trùm và hiệu quả hơn.

- Phát triển hệ thống dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người cao tuổi

Để giải quyết gánh nặng bệnh tật và nâng cao chất lượng sống cho người cao tuổi, cần chuyên sâu hóa y tế lão khoa bằng cách đầu tư mạnh vào phát triển các khoa/bệnh viện lão khoa chuyên biệt ở tuyến tỉnh và trung ương, đồng thời tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ y bác sĩ, điều dưỡng có chuyên môn sâu về bệnh lý và tâm lý người cao tuổi. Song song đó, cần nâng cao chất lượng chăm sóc tại tuyến y tế cơ sở trong việc khám, quản lý bệnh mãn tính, phục hồi chức năng và tư vấn sức khỏe. Việc đa dạng hóa các mô hình chăm sóc dài hạn như viện dưỡng lão chất lượng cao, trung tâm chăm sóc ban ngày, và dịch vụ chăm sóc tại nhà với chi phí linh hoạt cũng là cần thiết. Ngoài ra, cần đảm bảo quyền lợi bảo hiểm y tế cho 100% người cao tuổi bằng cách rà soát quy trình cấp phát thẻ bảo hiểm y tế miễn phí và đảm bảo chi trả hiệu quả các chi phí điều trị bệnh mãn tính.

Trong giải pháp này, nhân viên Công tác xã hội đóng vai trò cụ thể trong việc kết nối người cao tuổi với các dịch vụ y tế chuyên biệt (khoa lão khoa, phục hồi chức năng) và các trung tâm chăm sóc phù hợp. Họ cũng giúp người cao tuổi và gia đình hiểu rõ về quyền lợi bảo hiểm y tế và hỗ trợ các thủ tục khám chữa bệnh, đồng thời phát triển các mô hình chăm sóc vi mô tại cộng đồng (nhóm hỗ trợ sức khỏe, tình nguyện viên chăm sóc tại nhà) và cung cấp hỗ trợ tâm lý để người cao tuổi và gia đình đối phó với gánh nặng bệnh tật.

- Phát triển hệ thống chăm sóc người cao tuổi

Để xây dựng một hệ thống chăm sóc người cao tuổi hiệu quả và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của một xã hội già hóa, cần tập trung vào ba khía cạnh chính.

Thứ nhất, là phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ chăm sóc, bao gồm đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ y bác sĩ, y tá chuyên về lão khoa, cũng như đào tạo kỹ năng cho những người chăm sóc tại nhà (cả chuyên nghiệp và không chuyên) và các chuyên gia khác liên quan đến chăm sóc người cao tuổi.

Nhân viên Công tác xã hội có vai trò tham gia trực tiếp vào các khóa đào tạo chuyên sâu về chăm sóc lão khoa và quản lý ca cho người cao tuổi, đồng thời tổ chức các buổi tập huấn kỹ năng chăm sóc cơ bản cho các thành viên gia đình có người cao tuổi tại nhà, giúp họ có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để chăm sóc hiệu quả.

Thứ hai, cần nâng cao nhận thức về chăm sóc người cao tuổi trong toàn xã hội thông qua các chương trình tuyên truyền mạnh mẽ về quyền lợi của người cao tuổi, tầm quan trọng của việc chăm sóc toàn diện, và các dịch vụ chăm sóc hiện có để cộng đồng cùng chung tay.

Nhân viên Công tác xã hội có thể trực tiếp xây dựng và triển khai các chiến dịch truyền thông giáo dục tại cộng đồng (qua hội thảo, phát tờ rơi, sinh hoạt câu lạc bộ), đặc biệt tập trung vào các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, nơi nhận thức về chăm sóc lão khoa còn hạn chế.

Thứ ba, cần phát triển một hệ thống thông tin đầy đủ, dễ truy cập để người cao tuổi và người nhà của họ có thể thuận tiện tìm hiểu về các chính sách, dịch vụ và quyền lợi của mình.

Nhân viên Công tác xã hội có thể phản hồi và góp ý vào quá trình xây dựng hệ thống thông tin để đảm bảo tính thân thiện và phù hợp với người cao tuổi. Hơn nữa, họ sẽ là người trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ người cao tuổi và gia đình cách truy cập và sử dụng hệ thống thông tin này, đặc biệt là những người gặp khó khăn về công nghệ hoặc hạn chế về khả năng đọc hiểu, đảm bảo thông tin đến được mọi đối tượng cần thiết.

- Đa dạng hóa các chính sách khuyến khích và phát huy vai trò người cao tuổi

Nhằm giải quyết tình trạng cô đơn, trầm cảm và phát huy tối đa vai trò của người cao tuổi trong xã hội, cần tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động xã hội bằng cách xây dựng và duy trì các không gian công cộng thân thiện, tổ chức thường xuyên các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí phù hợp với thể trạng và sở thích của người cao tuổi tại cộng đồng. Đồng thời, cần thúc đẩy học tập suốt

đòi thông qua các chương trình giáo dục không chính quy, lớp học kỹ năng phù hợp. Quan trọng hơn, cần có chính sách khuyến khích và cơ chế để người cao tuổi phát huy trí tuệ và kinh nghiệm qua các hoạt động tư vấn, truyền nghề, hoặc làm việc bán thời gian. Bên cạnh đó, chăm sóc sức khỏe tinh thần thông qua các chương trình tư vấn, hỗ trợ tâm lý chuyên biệt cho nhóm người cao tuổi cô đơn, có dấu hiệu trầm cảm là rất cần thiết.

Trong những biện pháp này, nhân viên Công tác xã hội có vai trò cụ thể trong việc tổ chức và quản lý các câu lạc bộ, nhóm hoạt động xã hội đa dạng cho người cao tuổi tại địa phương, từ đó tạo môi trường kết nối, giao lưu và giảm cảm giác cô đơn. Họ còn cung cấp dịch vụ tư vấn và hỗ trợ tâm lý chuyên sâu, sàng lọc và can thiệp sớm các vấn đề sức khỏe tinh thần, giúp người cao tuổi vượt qua khủng hoảng và tìm thấy ý nghĩa cuộc sống. Ngoài ra, nhân viên Công tác xã hội còn chủ động kết nối người cao tuổi với các cơ hội tình nguyện hoặc tham gia lao động phù hợp, góp phần giúp họ duy trì vai trò xã hội và cảm giác có ích.

- Thúc đẩy nâng cao nhận thức và quyền lợi của người cao tuổi

Thực trạng cho thấy nhiều người cao tuổi, đặc biệt ở vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa, còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận và sử dụng chính sách, có thể do thiếu thông tin hoặc nhận thức chưa đầy đủ về quyền lợi của mình. Vì vậy, cần cần tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cả cộng đồng và bản thân người cao tuổi về quyền, nghĩa vụ và lợi ích mà các chính sách mang lại. Điều này bao gồm việc phổ biến thông tin về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp xã hội, các chính sách ưu đãi về dịch vụ công cộng và các chương trình hỗ trợ sức khỏe tinh thần. Đồng thời, cần vận động xã hội tham gia tích cực vào công tác chăm sóc, bảo vệ và phát huy vai trò của người cao tuổi, khuyến khích sự chia sẻ trách nhiệm giữa gia đình, cộng đồng và Nhà nước.

Nhân viên Công tác xã hội có vai trò cụ thể trong giải pháp này bằng cách xây dựng và triển khai các chiến dịch truyền thông cộng đồng về Luật Người cao tuổi, các chính sách an sinh xã hội một cách đơn giản, dễ hiểu thông qua các

buổi nói chuyện, tờ rơi, phương tiện truyền thông địa phương, đặc biệt tập trung vào vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Họ cũng sẽ tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo nhỏ tại thôn/ấp để trực tiếp giải đáp thắc mắc, hướng dẫn người cao tuổi và gia đình về cách tiếp cận các dịch vụ, quyền lợi. Hơn nữa, nhân viên Công tác xã hội còn vận động các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và cá nhân tham gia vào các hoạt động tình nguyện chăm sóc, hỗ trợ người cao tuổi, đồng thời tổ chức các chương trình giao lưu, đối thoại để người cao tuổi được bày tỏ nguyện vọng, nâng cao tiếng nói và vị thế của mình trong xã hội, từ đó góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách an sinh xã hội cho người cao tuổi ở Việt Nam.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Sự ra đời của các chính sách dành cho người cao tuổi thời gian qua cho thấy Đảng và Nhà nước đã rất chú trọng vào việc xây dựng và phát triển môi trường sống, phát huy mạng lưới xã hội của người cao tuổi để khuyến khích họ tích cực tham gia xã hội. Các chính sách chăm sóc hiện nay đang góp phần quan trọng trong việc nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần cho người cao tuổi, giúp họ chủ động hơn trong quá trình tiếp tục sắp xếp cuộc sống cho bản thân, trong bối cảnh già hóa dân số đang diễn ra mạnh. Có thể thấy, các chính sách trợ giúp xã hội đã cố gắng mở rộng về diện và độ bao phủ, hướng tới việc nâng cao mức sống của người cao tuổi thông qua các hỗ trợ đa chiều.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức đáng kể. Tỷ lệ bao phủ lương hưu còn thấp, dẫn đến việc phần lớn người cao tuổi vẫn phải phụ thuộc vào gia đình hoặc các khoản trợ cấp xã hội còn khiêm tốn. Việc tiếp cận các dịch vụ xã hội chất lượng cao, đặc biệt ở khu vực nông thôn, còn hạn chế. Những hạn chế này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc tiếp tục hoàn thiện và mở rộng chính sách bảo hiểm xã hội, đa dạng hóa các mô hình chăm sóc và dịch vụ xã hội, cũng như tăng cường nguồn lực và hiệu quả quản lý để đảm bảo mọi người cao tuổi đều có một cuộc sống an lành, độc lập và được hưởng đầy đủ quyền lợi an sinh xã hội.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với nhân viên Công Tác Xã Hội

Nhân viên Công tác xã hội cần không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn thông qua việc tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu về lão khoa, tâm lý người cao tuổi và kỹ năng quản lý ca để có thể cung cấp dịch vụ chất lượng cao. Họ cần chủ động thực hiện các chuyến khảo sát, tư vấn trực tiếp tại nhà, hỗ trợ người cao tuổi và gia đình hoàn thiện các thủ tục hành chính để tiếp cận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội và thẻ bảo hiểm y tế, đặc biệt tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Đồng thời, nhân viên Công tác xã hội cần

tích cực xây dựng và duy trì mạng lưới tình nguyện viên, các nhóm hỗ trợ người cao tuổi tại cộng đồng, cũng như tổng hợp các trường hợp thực tiễn, những khó khăn, vướng mắc trong việc thực thi chính sách để đưa ra các kiến nghị cụ thể, kịp thời cho các cơ quan quản lý nhà nước nhằm cải thiện và hoàn thiện chính sách.

2.2. Đối với Nhà nước

Nhà nước cần khẩn trương rà soát, nghiên cứu điều chỉnh các văn bản pháp luật liên quan đến mức hưởng và điều kiện tiếp cận trợ cấp xã hội, bảo hiểm xã hội tự nguyện, tiến tới tiệm cận chuẩn nghèo đa chiều và phù hợp với chi phí sinh hoạt thực tế. Cần có lộ trình cụ thể để triển khai hiệu quả luật bảo hiểm xã hội 2024, đặc biệt là các quy định về trợ cấp hưu trí xã hội cho người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi. Đồng thời, bộ y tế cần xây dựng chiến lược quốc gia về phát triển lão khoa, ưu tiên phân bổ ngân sách cho việc thành lập và nâng cấp các khoa lão khoa chuyên sâu tại các bệnh viện tuyến tỉnh và trung ương, cũng như tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ y tế chuyên ngành. Chính phủ cũng cần có chính sách khuyến khích mạnh mẽ việc xã hội hóa, thu hút đầu tư từ các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân vào các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, đồng thời đơn giản hóa thủ tục hành chính và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chi trả các chế độ an sinh xã hội.

2.3. Đối với lãnh đạo địa phương

Lãnh đạo địa phương cần ưu tiên bố trí nguồn ngân sách địa phương để hỗ trợ bổ sung mức trợ cấp xã hội cho người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn hoặc hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho nhóm cận nghèo, mới thoát nghèo chưa đủ tuổi hưởng. Cần chỉ đạo các cơ quan chức năng (Phòng lao động – thương binh xã hội, trung tâm Y tế, hội người cao tuổi) phối hợp chặt chẽ trong việc rà soát, cấp phát thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, giải quyết kịp thời các vướng mắc về thủ tục hành chính. Hơn nữa, lãnh đạo địa phương cần khuyến khích và hỗ trợ xây dựng, duy trì các trung tâm/câu lạc bộ người cao tuổi ở cấp xã/phường, đảm bảo có không gian và kinh phí để tổ chức thường xuyên các hoạt động văn hóa, thể thao,

giao lưu, và các dịch vụ chăm sóc ban ngày, nhằm giảm thiểu tình trạng cô đơn và phát huy vai trò của người cao tuổi.

2.4. Đối với gia đình

Gia đình là chỗ dựa quan trọng nhất của người cao tuổi. Con cháu cần tăng cường sự quan tâm, trò chuyện, chia sẻ về cả vật chất lẫn tinh thần, đặc biệt là với người cao tuổi neo đơn. Gia đình cần chủ động tìm hiểu thông tin về các chính sách, dịch vụ an sinh xã hội để hỗ trợ người cao tuổi tiếp cận và hưởng các quyền lợi một cách đầy đủ. Ngoài ra, cần khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để người cao tuổi tham gia các hoạt động xã hội, câu lạc bộ, các buổi giao lưu văn hóa tại cộng đồng, giúp họ duy trì các mối quan hệ và cảm giác có ích. Đồng thời, gia đình cần quan tâm đến sức khỏe người cao tuổi bằng cách hỗ trợ đi khám định kỳ, tuân thủ phác đồ điều trị và khuyến khích họ truyền đạt kinh nghiệm, giữ vai trò tích cực trong các quyết định gia đình.

2.5. Đối với chính người cao tuổi

Người cao tuổi cần chủ động tìm hiểu các thông tin về chính sách, quyền lợi liên quan đến bản thân từ các nguồn chính thống như nhân viên Công tác xã hội, cơ quan địa phương, hoặc các kênh truyền thông chính thức, để có thể tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ. Để duy trì sức khỏe thể chất và tinh thần, người cao tuổi cần tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, các câu lạc bộ người cao tuổi tại địa phương và duy trì lối sống lành mạnh, ăn uống khoa học, tập luyện thể dục thường xuyên. Cuối cùng, người cao tuổi nên chủ động chia sẻ kinh nghiệm, tri thức cho con cháu và thế hệ trẻ, cũng như tiếp tục tham gia vào các hoạt động có ý nghĩa phù hợp với sức khỏe, góp phần phát triển gia đình và cộng đồng, để cảm thấy cuộc sống có giá trị và trọn vẹn hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Đại biểu Nhân dân, *Bảo đảm an sinh xã hội cho người cao tuổi*, Báo Đại biểu Nhân dân, <https://daibieunhandan.vn/bao-dam-an-sinh-xa-hoi-cho-nguoi-cao-tuoi-10357857.html>
2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, *Thông tư 02-2018/TTBLĐTBXH về các dịch vụ công tác xã hội tại các cơ sở bảo trợ xã hội*, năm 2018
3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2021). *Thông tư số 06/2021/TT-BLĐTBXH, 07/7/2021*, quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về hưu trí
4. Chính phủ, *Nghị định 76/2024/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội*, thư viện pháp luật. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-dinh-76-2024-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-20-2021-ND-CP-quy-dinh-chinh-sach-tro-giup-xa-hoi-615941.aspx>
5. Luật Minh Khuê. *Chính sách an sinh xã hội đối với người cao tuổi*, Luật Minh Khuê, <https://luatminhkhue.vn/chinh-sach-an-sinh-xa-hoi-doi-doi-voi-nguoi-cao-tuoi.aspx>
6. Quốc hội, *Luật Người Cao Tuổi*, số 39/2009/QH12, ngày 23/11/2009
7. Thư viện pháp luật, *Tổng hợp những chính sách người cao tuổi năm 2022: Đối tượng người cao tuổi nào được hưởng chính sách*, Thư viện pháp luật, <https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/ho-tro-phap-luat/tong-hop-nhung-chinh-sach-nguoi-cao-tuoi-nam-2022-doi-tuong-nguoi-cao-tuoi-nao-duoc-huong-chinh-sac-39395.html>
8. Trường đại học Lao động – Xã hội, *Giáo trình Nhập môn an sinh xã hội*
9. Trường đại học Quốc gia Hà Nội, *Giáo trình Hành vi con người và môi trường xã hội*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội